

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày 26/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trí Dũng

2. Ông Võ Nam Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký TAND huyện Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

ông Huỳnh Trung Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên Tr, địa chỉ: Thôn B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: ông Trương Ngọc Th, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Tổ 55, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, *có mặt*.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph, địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Giám đốc, *vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2020, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Tr là ông Trương Ngọc Th trình bày:

Ngày 21/7/2017, Công ty TNHH Một thành viên Tr (Bên A-gọi tắt là Công ty Tr) và Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph (Bên B - gọi tắt là công ty Ph) có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 14/2017/HĐMB-TTĐL-LKSPL, theo đó Công ty Tr bán cho Công ty Ph đá xây dựng (loại xô bồ, quy cách hàng xá dạng rời, kích cỡ $\leq 60\text{cm}$) từ tận thu trong quá trình khai thác lựa chọn đá Trảng Thạch và hạ ta luy bờ mỏ. Phương thức mua bán được thỏa thuận: Bên A thông báo cho bên B nhận đá theo từng đợt qua điện thoại hoặc email, số lượng tùy vào nhu cầu và được thống nhất thỏa thuận cụ thể qua từng đợt giao nhận. Đơn giá 105.000 (Một trăm lẻ năm ngàn)

đồng/m³ (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng). Thời hạn thanh toán tiền hàng là 10 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn cho bên mua.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện nhiều đợt giao nhận hàng và thanh toán. Đến ngày 31/12/2018, hai bên tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Ph còn nợ Công ty Tr tổng số tiền mua hàng là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng. Công ty Tr đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc công ty Ph trả nợ nhưng Công ty Ph hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay công ty Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Ph hoàn trả cho Công ty Tr số tiền mua đá xây dựng (loại xô bồ) còn nợ là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng, đồng thời trả lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán trên số tiền gốc còn nợ tính từ ngày 01/9/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2020, biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020 đại diện bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 21/7/2017, Công ty Ph có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 14/2017/HĐMB-TTĐL-LKSPL với Công ty Tr để mua đá xây dựng (loại xô bồ) nhằm mục đích kinh doanh. Về khối lượng, chất lượng, quy cách sản phẩm, giá cả và phương thức mua bán, quyền và nghĩa vụ các bên được thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng. Hai bên đã thực hiện nhiều đợt giao nhận hàng và thanh toán. Đến ngày 31/12/2018, hai bên tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Ph còn nợ Công ty Tr tổng số tiền mua hàng là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng. Nhưng do điều kiện kinh doanh thua lỗ, công ty Ph chưa trả khoản nợ trên cho Công ty Tr được. Nay công ty Ph đồng ý hoàn trả cho Công ty Tr số tiền mua hàng còn nợ 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng nói trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 22/7/2020, còn khoản tiền lãi chậm thanh toán mà công ty Tràng Thạch yêu cầu thì công ty Ph không đồng ý trả.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với đại diện nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Đại diện bị đơn ông Nguyễn Ngọc T nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đảm bảo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Tr: Buộc Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên Tr số tiền mua đá xây dựng còn nợ là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Xét yêu cầu của công ty Tr khởi kiện đề nghị Công ty Ph (cùng có trụ sở tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) thanh toán tiền mua hàng hóa theo hợp đồng kinh tế hai bên đã ký kết. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến và tham gia giải quyết vụ án, thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Đại diện bị đơn ông Nguyễn Ngọc T nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đảm bảo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng:

Hợp đồng nguyên tắc (bằng văn bản) số 14/2017/HĐMB-TTDL-LKSPL ngày 21/7/2017 do đại diện theo pháp luật của Công ty Tr và Công ty Ph thỏa thuận và tự nguyện ký kết, theo đó Công ty Tr bán cho Công ty Ph đá xây dựng (loại xô bò, quy cách hàng xá dạng rời, kích cỡ $\leq 60\text{cm}$) từ tận thu trong quá trình khai thác lựa chọn đá Trảng Thạch và hạ ta luy bờ mỏ với đơn giá 105.000 đồng/m³, giao hàng và thanh toán được thỏa thuận cụ thể theo từng đợt. Đây là hợp đồng mua bán hàng hóa do hai bên có tư cách pháp nhân tự nguyện ký kết nhằm mục đích sinh lợi, xác lập đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 3, Điều 6 và Điều 24 Luật thương mại năm 2005 nên có hiệu lực đối với hai bên khi thực hiện các thỏa thuận tại hợp đồng.

[2.2] *Xét yêu cầu của Công ty Tr về việc buộc công ty Ph thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng còn nợ thì thấy:* Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có nhiều đợt giao hàng và thanh toán tiền mua hàng. Tại hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Ngọc T đã thừa nhận Công ty Ph còn nợ công ty Tr số tiền 111.316.886 đồng theo như biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2018 mà hai bên đã ký xác nhận và đồng ý trả toàn bộ khoản nợ trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 22/7/2020, đồng thời không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc của nguyên đơn. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý với thời hạn trả nợ do đại diện bị đơn đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Ph đã vi phạm điều khoản thanh toán được thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng: “...*Bên mua thanh toán toàn bộ tiền mua hàng của mỗi đợt giao hàng cho bên bán sau 10 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn cho bên mua...*”. Vì vậy cần thiết buộc Công ty Ph hoàn trả cho công ty Tr số tiền mua hàng còn nợ là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[2.3] Xét yêu cầu về khoản tiền lãi do chậm thanh toán của Công ty Tr đối với

Công ty Ph thì thấy:

Kể từ ngày đối chiếu công nợ 31/12/2018, Công ty Ph vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty Tr, buộc công ty Ph phải chịu trách nhiệm trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán cho công ty Tr theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Số tiền lãi được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại huyện Đ vào thời điểm xét xử được xác định là 12,5%/năm, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (01/9/2018) đến nay là 23 tháng 26 ngày tương ứng với số tiền là 27.675.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong được thực hiện theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

[3]. **Về án phí:** Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc công ty Ph phải chịu số tiền án phí của vụ án là 6.950.000 (*Sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn*) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Công ty Tr không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty Tr số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) công ty Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003593 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Tr:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Tr số tiền mua đá xây dựng (loại xô bồ) còn nợ (theo hợp đồng nguyên tắc số 14/2017/HĐMB-TTĐL-LKSPL ngày 21/7/2017 do hai bên đã ký kết) là 111.316.886 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu*) đồng, làm tròn số là 111.317.000 (*Một trăm mười một triệu ba trăm mười bảy ngàn*) đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 26/8/2020 là 27.675.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), tổng cộng là 138.992.000 (*Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai ngàn*) đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên Lâm khoáng sản Ph còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường huyện Đ tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Buộc công ty Ph phải chịu số tiền án phí của vụ án là 6.950.000 (*Sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn*) đồng .

Công ty Tr không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty Tr số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) công ty Trảng Thạch đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003593 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND H. Đ
- Chi cục THADS H.Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh